

TRƯỜNG THCS ĐỒNG KHÔI

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI NGỮ VĂN LỚP 8– HKII

NĂM HỌC 2017-2018

I/ Phần Văn

TÁC PHẨM / TÁC GIẢ	ĐẶC ĐIỂM / HOÀN CẢNH SÁNG TÁC	NỘI DUNG	NGHỆ THUẬT
THƠ MỚI			
NHỚ RỪNG- (THẾ LŨ)	-bài thơ tiêu biểu, góp phần mở đường cho thắng lợi của thơ mới -sáng tác thời kì đất nước bị thực dân Pháp xâm lược	Mượn lời con hổ trong vườn bách thú để diễn tả: -nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng -niềm khát khao tự do mãnh liệt -khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của những người dân mất nước thời bấy giờ.	-Thơ tự do 8 chữ -từ ngữ chọn lọc, biểu cảm -câu cảm thán, hỏi tu từ -giọng thơ đầy cảm xúc lãng mạn
QUÊ HƯƠNG (TẾ HẠNH)	-ở chặng cuối của thơ mới	Bài thơ vẽ ra: -bức tranh tươi sáng, sinh động về làng quê miền biển -hình ảnh người dân chài khỏe khoắn, đầy sức sống -hình ảnh sinh hoạt lao động làng chài. -qua đó, thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ	-Thơ tự do 8 chữ -từ ngữ chọn lọc, gợi tả -hình ảnh so sánh, nhân hóa -giọng thơ tâm tình, tha thiết
THƠ CA CÁCH MẠNG			
KHI CON TU HỨ (TỔ HỮU)	-1939, Tố Hữu bị bắt giam trong nhà lao Thừa phủ (Huế)	Bài thơ thể hiện: -lòng yêu cuộc sống -niềm khát khao tự do cháy bỏng.	-Thơ lục bát -từ ngữ gợi tả -giọng thơ thiết tha
TỨC CẢNH PÁC BÓ (HỒ CHÍ MINH)	-1941, khi Bác Hồ trở về Tổ quốc sau hơn 30 năm bôn ba. -sáng tác trong những ngày sống ở hang Pác Bó (Cao Bằng)	Bài thơ cho thấy: -tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng -niềm vui lớn được làm cách mạng, được sống hòa hợp với thiên nhiên.	-Thơ tứ tuyệt bình dị -giọng thơ vui đùa
NGẮM TRĂNG	-1942, những ngày Bác bị bắt	Bài thơ cho thấy: -tình yêu thiên nhiên đến say	-Thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc

(HỒ CHÍ MINH)	giam ở Trung quốc , trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch -trích “Nhật kí trong tù”	mê -phong thái ung dung của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục.	-phép đối, nhân hóa
ĐI ĐƯỜNG (HỒ CHÍ MINH)	-1942, khi Bác bị bắt giam ở Quảng Tây (Trung quốc) -trích “Nhật kí trong tù”	Bài thơ mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc: -từ việc đi đường núi gọi ra chân lí đường đời: -vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang	-Thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc -từ ngữ gợi tả -ẩn dụ
VĂN HỌC TRUNG ĐẠI			
CHIẾU DỜI ĐÔ (LÍ CÔNG UÂN)	-1010, vua Lí Công Uân bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay)	Bài văn phản ánh: -khát vọng của dân về đất nước độc lập, thống nhất -ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang lớn mạnh	-Thể chiếu, văn nghị luận -câu văn biền ngẫu -lập luận chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa lí và tình.
HỊCH TƯỚNG SĨ (TRẦN QUỐC TUẤN)	-Viết trước cuộc kháng chiến chống quân Mông –Nguyên lần thứ hai -để khích lệ tướng sĩ học tập : “Binh thư yếu lược”	Bài văn phản ánh: -tinh thần yêu nước nồng nàn - lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược Của dân tộc ta trong kháng chiến chống ngoại xâm	-Thể hịch, văn nghị luận -câu văn biền ngẫu, lời văn thống thiết -lập luận chặt chẽ, sắc bén→ là áng văn chính luận xuất sắc
NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (NGUYỄN TRÃI)	-trích Bình Ngô đại cáo -viết năm 1428, sau khi quân ta đại thắng giặc Minh xâm lược.	Bài văn có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: -nước ta có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; -kẻ xâm lược phản nhân nghĩa sẽ thất bại	-thể cáo, văn nghị luận -câu văn biền ngẫu -lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn.
BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC (NGUYỄN THIẾP)	1791,khi Nguyễn Thiếp ra giúp vua Quang Trung	Bài văn giúp ta hiểu: -mục đích việc học là để làm người có đạo đức, tri thức -học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, học phải đi đôi với hành.	-thể tấu, văn nghị luận -lập luận chặt chẽ.
SO SÁNH: TẤU	* HỊCH- CÁO		* CHIẾU-

KHÁC:	<u>HỊCH</u>: Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục, kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài,	<u>CÁO</u>: Do vua chúa, thủ lĩnh dùng để trình bày chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp cho mọi người cùng biết.	<u>CHIẾU</u>: thể văn do vua dùng ban bố mệnh lệnh	<u>TÁU</u>: là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, kiến nghị
GIỐNG:	- Là thể văn nghị luận xưa - Thường viết theo thể văn biền ngẫu. - Lí lẽ sắc bén, đanh thép; có tính chất hùng biện		- Là thể văn nghị luận xưa - Viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi.	

II/ Phần Tiếng Việt

1. Kiểu câu.

<i>Kiểu Câu</i>	<i>Khái niệm</i>
1.Câu nghi vấn	* Câu nghi vấn là câu: - Có những <u>từ nghi vấn</u> ai, gì, nào, sao, tại sao... hoặc có từ hay (nói các vế có quan hệ lựa chọn). - Có chức năng chính là dùng để hỏi. * Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi. * Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời <u>Ví dụ</u>
2.Câu cầu khiến	* Câu cầu khiến là câu có những <u>từ cầu khiến</u> như : hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo... * Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm. <u>Ví dụ:</u>
3.Câu cảm thán	* Là câu có những <u>từ cảm thán</u> như: ôi, than ôi, hỡi ôi...thay, biết bao, xiết bao... dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết, xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương - Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than. <u>Ví dụ:</u>

4.Câu trần thuật	* Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,.. - Ngoài những chức năng trên đây câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác). * Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. * Đây là <u>kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến</u> trong giao tiếp. <u>Ví dụ:</u>
5.Câu phủ định	* Là câu có những <u>từ ngữ phủ định</u> như: không, chưa, chẳng, đâu..... *Câu phủ định dùng để : - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả) - Phản bác một ý kiến, một nhận định.(Câu phủ định bác bỏ). <u>Ví dụ:</u>

2. Hành động nói

** **Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm những mục đích nhất định.***

*Những kiểu hành động nói thường gặp là :

- Hành động hỏi

- Hành động trình bày(báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán..)

- Hành động điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức,...)

- Hành động hứa hẹn

- Hành động bộc lộ cảm xúc

* Mỗi hành động nói có thể được thực hiện:

- Bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (*cách dùng trực tiếp*)
- Bằng kiểu câu khác (*cách dùng gián tiếp*)

3. Hội thoại.

*Vai hội thoại là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại .
Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:

- Quan hệ trên- dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) .

- Quan hệ thân-sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)

* Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.

* Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc tranh vào lời người khác.

* Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

4. Lựa chọn trật tự từ trong câu.

* Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự , mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói,viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

*** Trật tự từ trong câu có tác dụng :**

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.

- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

- Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm

(Mỗi Kiểu câu, Hành động nói, Hội thoại... các em hãy tự đặt ví dụ và nhớ vận dụng trong một văn bản cụ thể)

III/ Phần Tập làm văn:

A. PHẦN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI NGẮN :

1. Bố cục rõ ràng cân đối(tối đa 1 trang giấy thi) , thân bài tách đoạn.
2. Diễn đạt lí lẽ, dẫn chứng (văn thơ, thực tế) chặt chẽ, mạch lạc, kết hợp biểu cảm. Lời văn giàu cảm xúc. Ngôn từ trong sáng (không dùng văn nói, ngôn ngữ mạng)
3. Văn bản thống nhất một chủ đề
4. Kết hợp giải thích + chứng minh.

*** Có 2 dạng nghị luận: NL đạo lý tư tưởng, phẩm chất ;NL sự vật hiện tượng xã hội.**

B. PHẦN TẬP LÀM VĂN:

Thể loại văn nghị luận :nghị luận tác phẩm văn học theo chủ đề
VD:

- Tình yêu nước, thương dân trong Văn học trung đại

- Vai trò vị trí lãnh đạo anh minh sáng suốt qua 4 tác phẩm văn học trung đại
- Phân tích 1 tác phẩm văn học trung đại (Hịch, Cáo, Chiếu, Tấu)

(HS học theo dàn ý GV hướng dẫn)